

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thuận;

Các Thẩm phán: - Ông Nguyễn Văn Tiến;

- Ông Tống Anh Hào;

- Ông Trần Văn Cò;

- Bà Đào Thị Xuân Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hòa, Thư ký Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Lê Thành Dương, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 06/11/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai”, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Lê Quang C, sinh năm 1953;

Cư trú tại: Phường ĐV, thành phố TH, tỉnh Thanh Hóa.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố TH, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh T, Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố TH; ông Lê Hữu Dg, Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố TH; ông Hà Khoa V, Phó Chánh Thanh tra thành phố TH (Quyết định ủy quyền số 2007/QĐ-UBND ngày 13/3/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố TH).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân phường ĐV, thành phố TH, tỉnh Thanh Hóa;

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường ĐV: Ông Nguyễn Công B, cán bộ Tư pháp - Hộ tịch Ủy ban nhân dân phường ĐV (Quyết định ủy quyền số 81/QĐ-UBND ngày 03/4/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường ĐV).

- Ông Nguyễn Hữu Ng, sinh năm 1957 và bà Lê Thị M, sinh năm 1960;
Cùng cư trú tại: Phường ĐV, thành phố TH, tỉnh Thanh Hóa.
- Bà Lê Thị Th, sinh năm 1959; Cư trú tại: phường ĐV, thành phố TH, tỉnh Thanh Hóa.
- Bà Lê Thị M1, sinh năm 1960; Cư trú tại: Phường ĐV, thành phố TH, tỉnh Thanh Hóa.
- Bà Lê Thị Ch, sinh năm 1972 và bà Lê Thị L sinh năm 1975; Cùng cư trú tại: Phường ĐV, thành phố TH, tỉnh Thanh Hóa.
- Bà Lê Thị O, sinh năm 1969; Cư trú tại: Xã Phước Tân, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.
- Ông Lê Văn T1, sinh năm 1964; Cư trú tại: Phường ĐV, thành phố TH, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/01/2015 và quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Quang C trình bày:

Cha mẹ của ông là cụ Lê Văn Q và cụ Phạm Thị T2 là chủ sử dụng hợp pháp từ năm 1954 đối với thửa đất thổ cư có diện tích 540m² tại phố Quang Trung, phường ĐV, thành phố TH, thuộc thửa số 180, tờ bản đồ số 2, bản đồ 299. Năm 1958, cụ Phạm Thị T2 chết, không để lại di chúc. Sau đó cha của ông tái hôn với bà Phạm Thị G và sinh được 6 người con gồm các ông, bà Lê Thị Th, Lê Thị M1, Lê Văn T1, Lê Thị O, Lê Thị Ch và Lê Thị L. Năm 1994, diện tích đất của gia đình ông còn lại là 186m² thuộc thửa số 140, tờ bản đồ số 364, chủ sử dụng đất là cụ Lê Văn Q, trên đất có căn nhà chính và căn nhà phụ.

Năm 1995, ông có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đề nghị tòa án giải quyết cho ông được hưởng phần di sản thừa kế của mẹ ông là cụ Phạm Thị T2. Ngày 26/10/1996, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa ban hành Bản án dân sự sơ thẩm số 61 quyết định cho ông được hưởng một phần di sản thừa kế của cụ Phạm Thị T2 là 50.000.000 đồng. Cụ Lê Văn Q kháng cáo. Ngày 18/12/1996, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số 05 với nội dung: Tạm đình chỉ giải quyết vụ án kiện thừa kế giữa ông C và cụ Q; Tòa án sẽ tiếp tục tiến hành giải quyết vụ án khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các bên có yêu cầu.

Năm 1997, Nhà nước mở rộng Quốc lộ 1A đoạn đi qua thành phố TH và lấy vào một phần diện tích đất của gia đình ông tại địa chỉ 272 và 274 QT (diện tích đất thu hồi nằm trong khối di sản thừa kế đang được Tòa án giải quyết tranh chấp). Trong khi thực hiện Dự án mở rộng Quốc lộ 1A, Ủy ban nhân dân thành phố TH lại tiến hành tách diện tích đất của gia đình ông tại 272 và 274 QT thành 02 hộ khác nhau: Một hồ sơ do cha của ông (cụ Lê Văn Q) đứng tên chủ hộ số nhà 272 và 01 hồ sơ cho ông Lê Văn T3 (em cùng cha khác mẹ với ông) đứng tên chủ hộ 274. Phần diện tích đất và căn nhà phụ 59,6m² mà Ủy ban nhân dân thành phố tách ra cho ông Lê Văn T3, sau khi bị thu hồi thì còn lại 39m² không nằm trong chỉ giới mở rộng Quốc lộ 1A và vẫn thuộc thửa đất chung của gia đình ông,

là đối tượng tranh chấp trong vụ án chia di sản thừa kế. Việc Ủy ban nhân dân thành phố TH thực hiện thủ tục thu hồi, bồi thường về đất cho ông Lê Văn T3 là trái pháp luật.

Đến tháng 7/2014 ông mới biết ngày 26/3/2003, Ủy ban nhân dân thành phố TH đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W625548 đối với diện tích 39m² (phần đất còn lại không bị thu hồi, đang tranh chấp di sản thừa kế của gia đình ông từ năm 1996) cho ông Nguyễn Hữu Ng và bà Lê Thị M. Không đồng ý với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này nên ông đã khiếu nại với nội dung đề nghị thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Nguyễn Hữu Ng, không để ông Ng xây nhà trên đất tại địa chỉ 274 QT, trả lại thửa đất trên cho gia đình ông.

Ngày 31/12/2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố TH ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 12349/QĐ-UBND với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên, tại đơn khởi kiện ngày 28/01/2015 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/6/2015, ông Lê Quang C đề nghị Tòa án hủy:

- Một phần Quyết định số 504/QĐ-CT ngày 26/3/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố TH về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu Ng, bà Lê Thị M;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W625548 của Ủy ban nhân dân thành phố TH cấp ngày 26/3/2003 mang tên ông Nguyễn Hữu Ng, bà Lê Thị M đối với diện tích đất 39m² tại số nhà 274 QT, phường ĐV, thành phố TH, tỉnh Thanh Hóa;

- Quyết định giải quyết khiếu nại số 12349/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố TH về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Quang C.

Đại diện Ủy ban nhân dân thành phố TH trình bày:

Số nhà 274 đường QT có nguồn gốc là của cụ Lê Văn Q. Năm 1997 thực hiện dự án mở rộng đường Quốc lộ 1A đoạn qua thành phố TH, hộ gia đình ông Lê Văn T3 (con trai cụ Lê Văn Q) thuộc diện phải di chuyển mặt bằng thực hiện dự án, phần đất còn lại sau khi mở rộng đường, Ủy ban nhân dân thành phố đã giao đất có thu tiền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu Ng và bà Lê Thị M là hộ liền kề. Sau khi ông Ng, bà M nộp tiền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân thành phố đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W625548 ngày 26/3/2003 cho ông Ng, bà M tại địa chỉ 274 QT là đúng trình tự, thủ tục. Khi Nhà nước thu hồi, ông T3 đã nhận đủ tiền bồi thường theo giấy ủy quyền của cụ Q và bàn giao đất cho dự án. Ủy ban nhân dân thành phố TH đề nghị tòa án bác đơn khởi kiện của ông Lê Quang C.

Ông Nguyễn Hữu Ng, bà Lê Thị M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ngày 04/6/2001, Ủy ban nhân dân thành phố TH có thông báo về việc giải quyết phân đất còn lại sau khi các hộ đã di chuyển để xây dựng Quốc lộ 1A; gia đình ông, bà đã có đơn xin nhận chuyển nhượng lô đất 274 QT (hộ liền kề) với diện tích đất 39m² và được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt cho gia đình ông, bà được nhận chuyển nhượng với giá là 78.000.000 đồng. Gia đình ông, bà đã nộp đủ tiền và được bàn giao đất. Ủy ban nhân dân thành phố đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông, bà đối với diện tích đất này. Từ năm 2003 đến nay, ông, bà đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng thuế cho Nhà nước. Ông, bà đề nghị tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang C.

Ông Lê Văn T3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Năm 1998, ông tách hộ khẩu riêng nhưng vẫn ở trên đất của cụ Lê Văn Q. Khi Nhà nước thu hồi đất, ông đã nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng, chuyển đi nơi ở khác. Ông chỉ thực hiện đúng chính sách của Ủy ban nhân dân thành phố. Ông nhận thấy việc khởi kiện của ông Lê Quang C là đúng vì liên quan đến việc kiện thừa kế của gia đình ông.

Các bà Lê Thị Th, Lê Thị M1, Lê Thị Ch, Lê Thị L là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Thống nhất với nội dung trình bày của ông Lê Quang C.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2015/HCST ngày 07/9/2015, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang C về việc: Hủy một phần Quyết định số 504/QĐ-CT ngày 26/3/2003 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Hữu Ng, bà Lê Thị M, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W625548 ngày 26/3/2003 mang tên ông Nguyễn Hữu Ng và bà Lê Thị M đối với diện tích đất 39m² tại số nhà 274 QT, phường ĐV, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa và yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 12349/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố TH.

Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/9/2015, ông Lê Quang C có đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm nêu trên.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 04/2016/HCPT ngày 04/3/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa quyết định:

Sửa toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2015/HCST ngày 07/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Tuyên hủy một phần Quyết định số 504/QĐ-CT ngày 26/3/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố TH về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Hữu Ng, bà Lê Thị M;

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W625548 của Ủy ban nhân dân thành phố TH cấp ngày 26/3/2003 mang tên ông Nguyễn Hữu Ng, bà Lê Thị

M đối với diện tích đất 39m² tại số nhà 274 QT, phường DV, thành phố TH, tỉnh Thanh Hóa;

Hủy Quyết định số 12349/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố TH về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Quang C.

Để Ủy ban nhân dân thành phố TH thực hiện quyền quản lý Nhà nước về đất đai theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 02/4/2016, ông Nguyễn Hữu Ng và bà Lê Thị M có đơn gửi Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 17/5/2019, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội ban hành Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 03/2019/KN-HC đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 04/2016/HCPT ngày 04/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 10/2019/HC-GĐT ngày 20/8/2019, Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định:

Hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 04/2016/HCPT ngày 04/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/01/2020, ông Lê Quang C có đơn gửi Tòa án nhân dân tối cao đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Quyết định giám đốc thẩm số 10/2019/HC-GĐT ngày 20/8/2019 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Ngày 18/8/2020, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 14/2020/KN-HC kháng nghị Quyết định giám đốc thẩm số 10/2019/HC-GĐT ngày 20/8/2019 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội theo thủ tục giám đốc thẩm; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, hủy Quyết định giám đốc thẩm số 10/2019/HC-GĐT ngày 20/8/2019 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội; giữ nguyên Bản án hành chính phúc thẩm số 04/2016/HC-PT ngày 04/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 20/9/2020, ông Nguyễn Hữu Ng có đơn gửi Tòa án nhân dân tối cao với nội dung không đồng ý với Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 14/2020/KN-HC ngày 18/8/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xem xét đảm bảo quyền lợi chính đáng cho ông.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Cụ Lê Văn Q và cụ Phạm Thị T2 là chủ sử dụng hợp pháp từ năm 1954 đối với thửa đất thổ cư có diện tích 540m² tại số 272 phố QT, phường ĐV, thành phố TH, thuộc thửa số 180, tờ bản đồ số 2, bản đồ 299. Cụ Q và cụ T2 có 1 người con trai là ông Lê Quang C. Năm 1958, cụ Phạm Thị T2 chết, không để lại di chúc. Sau đó cụ Q tái hôn với cụ Phạm Thị G và sinh được 6 người con. Năm 1994, diện tích đất của gia đình còn lại là 186m² thuộc thửa số 140, tờ bản đồ số 364, trên đất có căn nhà chính và căn nhà phụ.

[2] Năm 1995, ông Lê Quang C có đơn khởi kiện đề nghị tòa án giải quyết cho ông được hưởng phần di sản thừa kế của mẹ ông là cụ Phạm Thị T2. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 61 ngày 26/10/1996, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa quyết định cho ông C được hưởng một phần di sản thừa kế của cụ T2 là 50.000.000 đồng. Cụ Lê Văn Q kháng cáo. Ngày 18/12/1996, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số 05 với nội dung: Tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc kiện thừa kế giữa ông Lê Quang C và cụ Lê Văn Q; Tòa án sẽ tiếp tục tiến hành giải quyết vụ án khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các bên có yêu cầu. Như vậy, vụ án yêu cầu chia di sản thừa kế do ông Lê Quang C khởi kiện đối với diện tích đất 186m² tại số nhà 272 phố QT, phường ĐV, thành phố TH vẫn chưa được giải quyết dứt điểm; diện tích đất nêu trên vẫn đang có tranh chấp.

[3] Ông Lê Văn T3 được cụ Q tặng cho 1 phần diện tích đất (nằm trong diện tích đất đang có tranh chấp về di sản thừa kế). Ủy ban nhân dân thành phố TH đã tách diện tích đất của gia đình cụ Q ra thành số nhà 272 (do cụ Q đứng tên chủ hộ) và số nhà 274 (do ông Lê Văn T3 đứng tên chủ hộ, diện tích 59,6m²). Sau khi Nhà nước thu hồi đất để mở rộng Quốc lộ 1A đoạn đi qua thành phố TH thì số nhà 274 còn lại là 39m² không nằm trong chỉ giới mở rộng Quốc lộ 1A. Do diện tích đất còn lại nhỏ hơn 40m², ông T3 có đơn xin di dời, tái định cư nên Ủy ban nhân dân thành phố TH đã thu hồi 39m² đất này. Ngày 12/01/1998, cụ Lê Văn Q có giấy ủy quyền cho ông Lê Văn T3 nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất là 134.574.000 đồng, trong đó có 119.200.000 đồng tiền bồi thường về đất.

[4] Theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11/02/2000 của Chính phủ quy định về đất ở của hộ gia đình, cá nhân thì “Hạn mức giao đất quy định tại khoản 2 Điều này chỉ áp dụng cho những trường hợp giao đất mới để làm nhà ở, không áp dụng cho những trường hợp đang sử dụng đất ở có trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành”. Trong khi đó, diện tích đất ở của hộ gia đình ông T3 (được cụ Q cho sử dụng) đã được gia đình cụ Q sử dụng từ những năm 1954, là đất ở lâu đời nên không thuộc trường hợp bị áp dụng hạn mức đất ở. Do đó, hộ ông T3 không thuộc trường hợp phải di dời. Hơn nữa, tại thời điểm thực hiện việc thu hồi, bồi thường đối với diện tích 39m² đất của hộ gia đình cụ Q, Ủy ban nhân dân thành phố TH đã biết về việc diện tích đất này đang có tranh chấp về chia di sản thừa kế nhưng vẫn thực hiện việc di dời (với lý do ông T3 có đơn xin di dời, tái định cư) và thực hiện việc bồi thường cho một bên tranh chấp là cụ Q (ủy quyền cho ông T3 nhận tiền) là không đúng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của một bên trong quan hệ tranh chấp.

[5] Tại Báo cáo số 66/UBND-TTr ngày 22/4/2016, Thanh tra thành phố TH thừa nhận Ủy ban nhân dân thành phố TH không còn hồ sơ lưu trữ về thủ tục thông báo cho các hộ nhận chuyển nhượng đất liền kề. Tài liệu trong hồ sơ vụ án là Thông báo số 1154/TB-UB ngày 15/12/1999 của Ủy ban nhân dân thành phố TH về chủ trương đối với các diện tích còn lại thuộc các hộ di chuyển, thống nhất giải quyết cho các hộ có nhu cầu, ưu tiên các hộ phía sau và liền kề. Tuy nhiên, Thông báo này chỉ được gửi cho Ủy ban nhân dân phường ĐV. Tại Biên bản phiên tòa phúc thẩm, đại diện Ủy ban nhân dân thành phố TH cũng thừa nhận Ủy ban nhân dân có chủ trương ưu tiên các hộ liền kề nhận chuyển nhượng, lúc đó hộ nào đăng ký nhận chuyển nhượng sẽ được giải quyết chứ không đấu giá, đây là giao đất có thu tiền sử dụng đất; hộ gia đình ông Nguyễn Hữu Ng, bà Lê Thị M là hộ liền kề có đơn xin nhận chuyển nhượng nên được nhận chuyển nhượng lại diện tích 39m² đất của hộ gia đình ông T3. Ủy ban nhân dân thành phố TH cũng không chứng minh được hộ ông C đã biết được chủ trương chuyển nhượng đất cho các hộ phía sau hoặc liền kề và hộ gia đình ông C từ chối nhận chuyển nhượng phần đất này.

[6] Ngày 26/3/2003, Ủy ban nhân dân thành phố TH ban hành Quyết định số 204/2003/QĐ-CT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W625548 cho ông Nguyễn Hữu Ng, bà Lê Thị M đối với 39m² đất tại số nhà 274 QT, phường ĐV trong khi diện tích đất này nằm trong diện tích đất đang có tranh chấp về thừa kế do ông Lê Quang C khởi kiện là không đúng. Ông Lê Quang C khiếu nại yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W625548 ngày 26/3/2003 mà Ủy ban nhân dân thành phố TH đã cấp cho ông Nguyễn Hữu Ng, bà Lê Thị M là có cơ sở. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố TH ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 12349/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 bác khiếu nại của ông C là không có căn cứ.

[7] Khi ông C khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định số 504/QĐ-CT ngày 26/3/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố TH về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Hữu Ng, bà Lê Thị M; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W625548 của Ủy ban nhân dân thành phố TH cấp ngày 26/3/2003 mang tên ông Nguyễn Hữu Ng, bà Lê Thị M đối với diện tích đất 39m² tại số nhà 274 QT, phường ĐV, thành phố TH, tỉnh Thanh Hóa; Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 12349/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố TH, tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C là không đúng.

[8] Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, tuyên hủy một phần Quyết định số 504/QĐ-CT ngày 26/3/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố TH về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Hữu Ng, bà Lê Thị M; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W625548 của Ủy ban nhân dân thành phố TH cấp ngày 26/3/2003 mang tên ông Nguyễn Hữu Ng, bà Lê Thị M đối với diện tích đất 39m² tại số nhà 274 QT, phường ĐV, thành phố TH, tỉnh Thanh Hóa; Hủy Quyết định số 12349/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố TH giải quyết khiếu nại của ông Lê Quang C là có căn cứ. Tuy nhiên, tòa án cấp phúc thẩm đã không làm rõ yêu cầu của đương sự về việc hủy giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất của ông Ng, bà M để được ưu tiên nhận chuyển nhượng đất hay hủy do thu hồi đất sai. Trong trường hợp này do quan hệ tranh chấp về thừa kế giữa cụ Q và ông C chưa giải quyết xong thì lẽ ra khi thu hồi đất, Ủy ban nhân dân thành phố TH chỉ được thu hồi đối với phần đất trong phạm vi bị giải tỏa để thực hiện Dự án mở rộng Quốc lộ 1A, phần đất còn lại nếu có chuyển nhượng cũng phải sau khi giải quyết xong yêu cầu về chia thừa kế và phải ưu tiên cho người trong gia đình đang sử dụng phần đất còn lại không bị thu hồi. Ủy ban nhân dân thành phố TH cho cụ Q (mà đại diện là ông T3) được hưởng chính sách bồi thường, hỗ trợ là sai. Mặt khác, khi tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ng, bà M, tòa án cấp phúc thẩm chưa giải quyết hậu quả của việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này trong khi ông Ng, bà M đã nộp 78.000.000 đồng vào ngân sách Nhà nước. Như vậy, việc giải quyết của tòa án cấp phúc thẩm là không triệt để, không đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự (là ông C, gia đình ông Ng, bà M), dẫn đến việc khó khăn trong thi hành Bản án phúc thẩm như Ủy ban nhân dân thành phố TH đã nêu tại Công văn số 1551/UBND-TTr ngày 05/4/2019.

[9] Tại Quyết định giám đốc thẩm số 10/2019/HC-GĐT ngày 20/8/2019, Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã nhận định: Trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường và hỗ trợ tái định cư đã được Nhà nước thực hiện đầy đủ nên diện tích 39m² đất còn thừa sau khi mở rộng Quốc lộ 1A thuộc quyền quản lý của Nhà nước; Ủy ban nhân dân thành phố TH thông báo công khai chủ trương chuyển nhượng diện tích 39m² đất nhưng hộ gia đình cụ Q không có đơn nhận chuyển nhượng đất, hộ gia đình ông Ng có đơn đề nghị được nhận chuyển nhượng đất và được Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết; Hộ gia đình ông Ng có quá trình sử dụng đất ổn định suốt 13 năm không có khiếu nại khiếu kiện; Nhà nước đã thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với diện tích 39m² đất nên diện tích đất này không còn là di sản để chia thừa kế, đối tượng chia thừa kế phải là tiền đền bù đất và không liên quan đến diện tích 39m² đất, từ đó hủy Bản án phúc thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp phúc thẩm để xét xử phúc thẩm lại cũng là không đúng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 266, khoản 2 Điều 272, Điều 273 Luật Tổ tụng hành chính;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 14/2020/KN-HC ngày 18/8/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đối với Quyết định giám đốc thẩm số 10/2019/HC-GĐT ngày 20/8/2019 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

2. Hủy Quyết định giám đốc thẩm số 10/2019/HC-GĐT ngày 20/8/2019 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội; hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 04/2016/HCPT ngày 04/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa; hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2015/HCST ngày 07/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân

thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởng VKSNDTC (để biết);
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND thành phố Thanh Hóa (kèm hồ sơ vụ án);
- Vụ 10 - VKSND tối cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND thành phố Thanh Hóa;
- Chi cục THADS thành phố Thanh Hóa;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Vụ GĐKTIII (3b), VP (TANDTC), Vụ PC và QLKH, Hồ sơ vụ án, THS.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thuân